TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST Ngày 08 tháng 01 năm 2024 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt và ông Vũ Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 ngày 10 ngày 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mùa Thị D, sinh năm 1998. Địa chỉ : Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Giàng A L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NH. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn S – Giám đốc NH huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu N, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn M – Phó Giám đốc NH huyện Mai Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mùa Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Giàng A L kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Mai Sơn vào ngày 22/8/2018 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L theo đạo, không quan tâm đến gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng chồng không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nên cuộc sống không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị quyết định xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018. Chị nhất trí để anh L nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận phân chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ NH huyện Mai Sơn số tiền 50.000.000VNĐ. Số tiền nợ này anh chị đã thống nhất anh Giàng A L nhận sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ khi đến hạn theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Giàng A L trình bày:

Về tình cảm, anh L xác định anh và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn lớn. Trong cuộc sống gia đình, anh có theo đạo tin lành nhưng sau đó anh đã hứa với vợ sẽ thay đổi, mong vợ cho cơ hội thay đổi cùng nuôi dạy con cái nhưng vợ không nhất trí, cương quyết không đồng ý. Anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thể thay đổi được quyết định của chị D. Nay chị D cương quyết ly hôn, anh không không nhất trí ly hôn, mong vợ suy nghĩ lại để cùng nuôi dạy con cái.

Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018. Trường hợp vợ cương quyết ly hôn, anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai con chung và cam kết đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có vay NH huyện Mai Sơn số tiền là 50.000.000VNĐ để trồng cà phê năm 2023. Anh nhất trí trả toàn bộ nợ chung vợ chồng khi đến hạn thanh toán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NH, chi nhánh Mai Sơn trình bày:

Hộ gia đình Giàng A L, sinh năm 1996 trú tại Bản N, xã P, huyện Mai Sơn có vay NH huyện Mai Sơn số tiền là 50.000.000VNĐ theo chính sách hộ nghèo, mục đích vay để trồng và chăm sóc cây cà phê. Khoản nợ có kỳ hạn 60 tháng kể từ ngày 19/3/2023. Hộ gia đình anh Giàng A L có 04 người, trong đó có vợ là Mùa Thị D, sinh năm 1998 và 02 con chưa thành niên. Khi vay vốn, chị Mùa Thị D, sinh năm 1998 là vợ của anh L có ký giấy ủy quyền ngày 13/3/2023 với nội dung : các thành viên trong gia đình ủy quyền cho anh Giàng A L đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NH. Anh L đã được nhận đủ số tiền là 50.000.000VNĐ.

Trường hợp anh L và chị D giải quyết ly hôn, đề nghị thu xếp thanh toán nợ

trước hạn. Trường hợp không có khả năng thanh toán nợ trước hạn, đề nghị một bên sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và tiền lãi khi đến hạn theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh L và chị D tại Ban quản lý bản N thể hiện: Chị D và anh L cư trú ở bản Nong Nghè, sau sát nhập cùng bản Xà Nghè. Trong quá trình cư trú tại địa phương, qua tìm hiểu được biết mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị xuất phát là do chị D không nhất trí với việc anh L theo đạo tin lành, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Hiện nay, chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống được một thời gian. Trong thời gian sống ly thân, hai con chung đang ở với anh L.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Mùa Thị D và anh Giàng A L. Về con chung: Giao cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không đề nghị Tòa án không giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Mùa Thị D, anh Giàng A L và NH, giao anh Giàng A L có trách nhiệm thanh toán số tiền 50.000.000VNĐ tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho NH khi đến hạn thanh toán theo hợp đồng.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí xin ly hôn. Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn, vấn đề về con chung với anh Giàng A L có nơi cư trú tại Bản N, xã P, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Mùa Thị D và anh Giàng A L kết hôn với nhau từ năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã P, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/8/2018, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D cho rằng nguyên nhân là do anh L theo đạo nên không quan tâm đến gia đình, vợ chồng xảy ra bất đồng, thường xuyên cãi vã, tình cảm gia đình rạn nứt. Anh L thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bản thân anh theo đạo nên vợ chồng xảy ra bất đồng. Tuy nhiên, anh cũng đã nhận thức được vấn đề mâu thuẫn nên đã cố gắng thuyết phục chị D quay lại hàn gắn tình cảm và từ bỏ đạo. Do đó, anh không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị D, mong muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ, vợ chồng chị D và anh L có mâu thuẫn xuất phát từ anh L theo đạo. Hiện chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Anh L không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị D cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Mùa Thị D và anh Giàng A L.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung là cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và cam kết đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh L đã thống nhất với nhau về vấn đề trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tại biên bản xác minh tại Ban quản lý bản N thể hiện, từ thời điểm ly thân đến nay, hai con chung do anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của chị D và anh L, giao cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu

Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh L đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.3] Về nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh L, NH huyện Mai Sơn thống nhất xác nhận anh chị có khoản nợ 50.000.000VNĐ tại NH huyện Mai Sơn. Anh Giàng A L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là 50.000.000VNĐ và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Sổ vay vốn số 7129846905 khi đến hạn thanh toán. Chị Mùa Thị D không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này cho Ngân hàng. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[2.5] Về án phí: Chị D và anh L xin miễn án phí theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh L hiện đang cư trú tại Bản N, xã P, huyện Mai Sơn, là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D và anh L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mùa Thị D và anh Giàng A L.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Đ, sinh ngày 17/7/2020 và cháu Giàng L2, sinh ngày 11/5/2018 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận anh L không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Giao anh Giàng A L có nghĩa vụ thanh toán 50.000.000VNĐ (Năm mười triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 28/3/2023 khi đến hạn cho NH huyện Mai Sơn.

5. Về án phí: Chị Mùa Thị D được miễn án phí xin ly hôn; anh Giàng A L được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Ủy ban nhân dân xã Chiềng Lương;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh